**工作安全檢查表(範例)**

**Biểu kiểm tra an toàn công việc (ví dụ)**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tên nhà thầu: Tên tác nghiệp: Ngày tháng:**  **承攬公司：○○○○ 作業名稱：○○○○○○○○ 日期：○○○○○○○○** | | | | | |
| **Lưu trình tác nghiệp**  **作業流程** | | **Hình thái rủi ro**  **危害型態** | **Hạng mục kiểm tra**  **檢查項目** | **Hoạt động xác nhận**  **確認動作** | |
| **Y/N** | **Ký xác nhận**  **簽認** |
| **1.**  Tác nghiệp lắp đặt giàn giáo theo hệ thống (truyền tải và nâng hạ vật liệu giàn giáo)**系統式施工架搭架作業(架料傳遞及吊運)** | **A.Chuyển vật liệu đến địa điểm lắp ráp giàn giáo từ tầng 4 trở xuống (chuyển vật liệu giáo)**  **將架料搬至第四層(含)以下搭架地點(架料傳遞)**  **1.Lắp ráp tầng 1 giàn giáo: Nhân viên chuyển trực tiếp vật liệu đến địa điểm thi công lắp ráp giàn giáo.**  **第一層搭架:人員直接將架料搬至施工地點組裝。**  **2. Lắp ráp tầng 2 giàn giáo: Nhân viên ở mặt đất chuyển vật liệu lên cho nhân viên ở tầng 2 tiến hành lắp ráp giàn giáo ở tầng 2.**  **第二層搭架:地面上人員將架料傳給第二層人員進行第二層搭架。**  **3. Lắp ráp tầng 3 giàn giáo: Nhân viên ở mặt đất chuyển vật liệu lên cho nhân viên ở tầng 2, nhân viên ở tầng 2 lại chuyển cho nhân viên ở tầng 3 thực hiện việc lắp ráp giàn giáo ở tầng 3.**  **第三層搭架:地面上人員將架料傳給第二層人員再接駁給第三層人員進行第三層搭架。**  **4. Lắp ráp tầng 4 giàn giáo: Nhân viên ở mặt đất chuyển vật liệu theo thứ tự lên từng tầng, từ tầng 2 đến tầng 3, tầng 4, sau đó được nhân viên ở tầng 4 tiến hành việc lắp đặt giàn giáo ở tầng thứ 4.**  **第四層搭架: 地面人員將架料依序逐層傳給第二、三、四層人員再由第四層人員進行第四層搭架。** | **Rơi ngã /lăn từ trên cao xuống**  **墜落/滾落** | **A1. Khi người lắp dựng sử dụng thiết bị chống rơi kiểu tời phải móc vào khóa D ở mặt sau của đai an toàn toàn thân, túi giảm chấn và thiết bị chống rơi kiểu tời không được móc trực tiếp với nhau.**  **搭架人員使用捲揚式防墜器，需勾掛於降落傘式安全帶背部D扣環上，緩衝包與捲揚式防墜器兩者不可串接使用。** |  |  |
| **Vấp ngã**  **跌倒** | **A1. Cần quy hoạch khu vực tập trung đặt để vật liệu giàn giáo tại hiện trường và đặt biển cảnh báo.**  Top of Form  **施工架板料堆放現場，須規劃集中區整齊放置，並以標示牌告示。** |  |  |
| **Vật thể rơi từ trên cao**  **物體飛落** | **A1. Tại cùng một đường chuyền, chỉ được phép một kiện vật liệu vận chuyển lên xuống giữa các tầng."**  **同一動線只允許一件架料進行層間上下傳遞。**  **A2.Vật liệu giữa các tầng nên được chuyển đơn lẻ để tránh tình trạng bị rơi xuống do không nắm chặt"**  **層間架料應採取單件傳遞，以避免發生未握緊滑脫掉落情形。** |  |  |
| **Bị cắt/ rạch/ trầy xước**  **被切/割/擦傷** | **A1.Nhân viên phải đeo găng tay vải để tránh bị cắt.**  **人員須配戴棉紗手套以避免遭割傷。** |  |  |
| **B.chuyển vật liệu đến địa điểm lắp ráp giàn giáo từ tầng 5 trở lên (cẩu vật liệu)**  **將架料搬至第五層(含)以上搭架地點(架料吊運)** | **Va đập**  **衝撞** | **A1.nhân viên vận hành cẩu cần có chứng chỉ hợp lệ.**  **吊車操作人員須有合格證照。**  **B1. Khi tốc độ gió vượt quá 10 m/s, không được tiến hành tác nghiệp cẩu. Ngoài ra, việc treo vật liệu cần sử dụng dây điều hướng nhằm tránh va chạm với thiết bị trong quá trình cẩu và nghiêm cấm người không được ở phía dưới vật đang nâng.**  **風速大於10M/S不可進行吊掛作業，另架料吊掛應以牽引繩控制方向，以免吊運過程中碰觸設備，且操作中人員不可曝露於吊掛物正下方。** |  |  |
| **2.** | **-** | **-** | **-** |  |  |